

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HSST
Ngày: 23/11/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2018/TLST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hữu S, tên gọi khác: M; sinh năm 1998; tại tỉnh Khánh Hòa;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T8, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: T2, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu C, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1979, cùng cư trú tại: T8, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 25/8/2018. *(Có mặt)*.

2. Họ và tên: Trần Huỳnh K, tên gọi khác: B; sinh năm 1996; tại tỉnh Lâm Đồng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: T2, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1962, cùng cư trú tại: T2, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 24/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng 04 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 26/2018/HSST. Bị

cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 25/8/2018. *(Có mặt)*.

- *Bị hại:*

1. Công ty TNHH tư vấn, thiết kế, đầu tư và thương mại K.T.

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 207 đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trương Quốc T, sinh năm 1983

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Số nhà 58 đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

2. Anh Phạm Cao T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 5/9 đường M, T13, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 69 đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/8/2018 Trần Huỳnh K và Phạm Hữu S đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ 30 phút sáng ngày 25/8/2018, sau khi chơi game tại quán Internet TITAN trên đường T, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng, Trần Huỳnh K và Phạm Hữu S đi bộ về nhà của S tại T2, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Khi đi đến trước số nhà 207 đường H, Phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ đặt trụ sở của Công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư và thương mại K.T tại khách sạn M), S và K phát hiện cửa phía sau của khách sạn không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. S bàn với K là K đứng ở phía ngoài cảnh giới, còn S trực tiếp đột nhập từ cửa sau vào trong tìm tài sản để trộm cắp thì được K đồng ý. S đi vào từ cửa sau đến phòng làm việc lấy được 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, có kèm sạc pin. Sau đó, S bỏ máy tính vào túi xách đựng máy tính đi ra ngoài cho K xem, rồi cả hai giấu số tài sản trên vào bụi cỏ ven đường cách đó khoảng 50m.

Theo kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 77/KL-HĐĐG ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá UBND thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết luận: 01 laptop nhãn hiệu Asus, màu đen, kèm theo cục sạc của máy trị giá 5.625.000đ; 01 chiếc túi màu đen, trên túi có ghi dòng chữ Villa trị giá 20.000đ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.645.000đ (năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong vụ thứ nhất, S và K tiếp tục đi bộ trên đường H. Khi S và K đi đến trước số nhà 5/9 đường M, T13, Phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng của anh Phạm Cao T, sinh năm 1981 thì nhìn thấy anh T điều khiển xe mô tô chở vợ đi ra khỏi nhà nhưng không khóa cửa cổng và cửa nhà nên S tiếp tục

bàn bạc với K là K sẽ đứng ngoài cảnh giới, còn S đi vào bên trong tìm tài sản trộm cắp thì K đồng ý. S đi vào bên trong căn nhà lấy được 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, 01 chiếc quần tây màu xanh đen của anh T có kèm dây thắt lưng màu nâu, 01 bóp da chứa 02 thẻ ATM và số tiền 50.000 đồng, 02 chiếc túi xách bằng da màu đỏ nhãn hiệu Sofia, 01 chùm chìa khóa gồm 08 chiếc. Lấy xong, S và K đi đến vườn ươm cây giống của chị Mai Thị H ở T13, Phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng để cất giấu tài sản rồi cả hai đi bộ về nhà S. Khi về tới nhà, S mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 49K1-457.04 của bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1979, địa chỉ: Số nhà 69 đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để đi lấy toàn bộ tài sản trộm cắp đã cất giấu, K điều khiển xe chở S đi đến một cửa hàng tại địa bàn thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng để bán 02 chiếc máy tính xách tay, trên đường đi S đã sử dụng số tiền 50.000đ vừa trộm cắp được để đổ xăng. Khi cả hai đang chuẩn bị bán 2 máy tính thì bị Cơ quan Công an thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng phát hiện triệu tập làm việc, thu giữ vật chứng và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Theo kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 77/KL-HĐĐG ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá UBND thành phố B, tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tổng giá trị tài sản của anh Phạm Cao T bị trộm cắp được xác định là 3.465.000đ (ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), riêng chiếc ví da màu nâu do không thu hồi được nên không có cơ sở định giá.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKS, ngày 31 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Phạm Hữu S và Trần Huỳnh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Hữu S và Trần Huỳnh K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Hữu S từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Huỳnh K từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét. Trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và trả lại cho bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu đen của K.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

+ Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về bản cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa, các bị cáo S, K đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung bản Kết luận điều tra; lời khai của bị hại; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 99/CT-VKS, ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đến cùng. Các bị cáo thực hiện tội phạm là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo không những gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và còn gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Vụ án có đồng phạm nên cần xem xét tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Phạm Hữu S là người rủ rờ và là người thực hiện trực tiếp hành vi phạm tội nên mức hình phạt phải cao hơn bị cáo Trần Huỳnh K.

Đối với bị cáo Trần Huỳnh K là người cùng với S thực hiện hành vi phạm tội, do bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích nên mức án của bị cáo cũng phải bằng hoặc cao hơn mức án của bị cáo Phạm Hữu S.

[4] Về nhân thân người phạm tội:

Đối với bị cáo K: Trước khi bị cáo phạm tội mới, bị cáo đã có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích.

Đối với bị cáo S là người chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, cho các bị cáo S và K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S và K đều thực hiện 02 lần trở lên, với giá trị tài sản mỗi lần trên 2.000.000đ. Bị cáo K có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới, xác định là “tái phạm”. Vì vậy, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 cho bị cáo S và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho bị cáo K.

[7] Căn cứ vào qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy, cần cách ly khỏi xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[8] Về phạt bổ sung: Các bị cáo K và S không có nghề nghiệp nên miễn phạt bổ sung.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý vật chứng như sau:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an Tp. B, tỉnh Lâm Đồng đã thu, tạm giữ các tài sản gồm:

- + 01 laptop nhãn hiệu Asus, màu đen, kèm theo cục sạc của máy tính và 01 chiếc túi màu đen, trên túi có ghi dòng chữ Villa. Quá trình đình tra, cơ quan Công an thành phố B đã trả lại cho anh Trương Quốc T là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH tư vấn, thiết kế, đầu tư và thương mại K.T.

- + 01 chiếc laptop nhãn hiệu HP, màu đen, kèm theo cục sạc của máy, 02 chiếc thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Cao T, 02 túi xách nhãn hiệu Sofia, màu đỏ, 01 chiếc quần vải màu xanh đen, 01 chiếc dây thắt lưng nam giới, 08 chiếc chìa khóa. Quá trình đình tra, cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Cao T.

- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu S đen-xám-đỏ, BS: 49K1-457.04. Quá trình điều tra, cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Tuyết V.

- + 01 điện thoại Nokia màu đen. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Trần Huỳnh K không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- + 01 chiếc ba lô màu đen. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Trần Huỳnh K đã sử dụng làm công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Hữu S không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, giải quyết như sau: Quá trình điều tra tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[11] Xét đề nghị và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng, trách nhiệm trả chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Hữu S và Trần Huỳnh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Phạm Hữu S**, tên gọi khác là **M** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/8/2018.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Huỳnh K**, tên gọi khác là **B** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/8/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Trần Huỳnh K 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen. Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu S 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen. Tiếp tục tạm giữ các vật chứng để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu đen.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2018 giữa cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Hữu S và bị cáo Trần Huỳnh K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A.DS thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Công